

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-04-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thuý Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thanh Nguyên; bà Huỳnh Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Ngọc Trân - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Neáng Sóc K, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Ông Chau Si N, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Neáng Sóc K trình bày: Bà K và ông Chau Si N tự tìm hiểu nhau và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang ngày 28/02/2013. Bà và ông N cùng nhau sinh sống và làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống ông N không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Xét

thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà **N1** Sóc Kha yêu cầu được ly hôn với ông **Chau Si N**. Về con chung: Chau **Y N2**, sinh ngày 04/01/2014, bà **K** yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông **Chau Si N** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: không có.

*Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Chau Si N** đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại **ấp P, xã Ô, huyện T**. Kết quả xác minh thể hiện: “Ông **Chau Si N**, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: **Tổ A, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang**. Ông thường đi làm ăn xa, ít có ở địa phương nhưng vẫn thường xuyên đi lại tới lui địa phương. Về mâu thuẫn giữa bà **Neáng Sóc K** và ông **Chau Si N** thì địa phương không rõ.”

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Chau Si N** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Tổ A, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Chau Si N** đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông **Chau Si N**.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang** ngày 28/02/2013

nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về các phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự. Từ đó cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ. Nên việc hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung tên **Chau Y N3**, sinh ngày 04/01/2014. Từ khi ly thân con do bà **K** nuôi dưỡng và bà **K** yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Bà **K** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà **N1** Sóc Kha khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông **Chau Si N** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Neáng Sóc K** đối với ông **Chau Si N**. Bà **Neáng Sóc K** được ly hôn với ông **Chau Si N**.

Về con chung: Giao cháu **Chau Y N3**, sinh ngày 04/01/2014 cho bà **N1** Sóc Kha tiếp tục nuôi dưỡng. Ông **Chau Si N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **Neáng Sóc K** cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông **Chau Si N** quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà **Neáng Sóc K** phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0012155 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà **Neáng Sóc K** đã nộp đủ án phí. Ông **N** không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã An Tức;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT :

Sơn Thị Thúy Liễu